TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **230**/2021/HC-PT
Ngày: 08/11/2021
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực BHXH.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Tuân;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 136/2021/TLPT-HC ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc "Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực BHXH". Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2020/HC-ST ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Người khởi kiện: Bà Trần Thị H, sinh năm 1963. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1961. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người bị kiện: Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Thị Hồng N1 - Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T. Vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cao S - Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các bản khai, người khởi kiện là bà* Trần Thị H *trình bày:*

Bà làm giáo viên Trường mầm non xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình từ năm 1979. Tháng 12/2017 bà được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) của bà là 22 năm 11 tháng 11 tháng.

Trong đó từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 bà đóng truy thu 7 năm theo Công văn số 3658/BHXH-BT ngày 17/9/2013 của BHXH Việt Nam, mức lương hệ số 1,4. Lương hưu của bà là 2.843.365 đồng.

Song đến tháng 5/2019 Bảo hiểm xã hội tỉnh T lại tính cho bà đóng BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/1996 theo mức lương tiền đồng Việt Nam. Dẫn đến lương hưu của bà bị giảm còn 2.121.022 đồng và yêu cầu truy thu của bà số tiền 13.552.020 đồng.

Việc Bảo hiểm xã hội tỉnh T căn cứ vào Công văn số 3085 ngày 16/8/2018 của BHXH Việt Nam và Công văn số 227 ngày 28/3/2019 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh T để ra quyết định điều chỉnh chế độ hưu trí của bà là không đúng. Công văn này không có quyền phủ nhận việc truy thu BHXH đối với giáo viên mầm non. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T về việc điều chỉnh chế độ hưu trí để khôi phục lại mức lương bà đã lĩnh đến tháng 5/2019.

** Người bị kiện* - Bảo hiểm xã hội tỉnh T *trình bày:*

Bà Trần Thị H là giáo viên Trường Mầm non xã T, huyện V, được tham gia đóng BHXH từ tháng 01/2002 theo Quyết định số 81/2002/QĐ-UB và Quyết định số 84/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh, số tiền truy thu và ghi sổ BHXH theo mức tiền lương là hệ số 1,4.

Việc thu và ghi sổ BHXH đối với bà H giai đoạn từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 theo mức tiền lương bằng hệ số là sai do sai sót về nghiệp vụ, không đúng quy định tại Công văn số 2150/GDĐT-BHXH dẫn đến việc giải quyết chế độ hưu trí của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội là chưa đúng mà phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội mới đúng.

- Ngày 16/8/2018 BHXH Việt Nam có Công văn số 3085/BHXH-CSXH về việc chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ BHXH đối với giáo viên mầm non. Trên cơ sở đó Bảo hiểm xã hội tỉnh đã ban hành Công văn số 1860/BHXH-QLT ngày 31/8/2018 chỉ đạo Bảo hiểm xã hội huyện, thành phố kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quá trình đóng BHXH của giáo viên mầm non và thực hiện điều chỉnh mức tiền lương ghi sổ BHXH đối với giáo viên mầm non đang tham gia BHXH từ mức lương theo hệ số sang mức lương theo tiền đồng Việt Nam đối với thời gian truy thu BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001.

- Thời gian bà H truy đóng BHXH theo mức lương tiền đồng Việt Nam do người sử dụng lao động quyết định là: 84 tháng (7 năm).

- Thời gian bà H đóng BHXH theo hệ số lương do Nhà nước quy định là: 191 tháng (15 năm 11 tháng).

+ Tổng số tiền lương do người sử dụng lao động quy định: 58.258.368 đồng.

+ Tổng số tiền lương do Nhà nước quy định là: (Lương bình quân 6 năm cuối trước khi nghỉ hưu = 4.120.819 đồng) x 191 tháng = 787.076.514 đồng.

Tiền lương bình quân chung của cả 2 quá trình là:

(58.258.368 đồng + 787.076.514 đồng đồng) : (84 tháng + 191 tháng) = 3.073.945đ.

Tỷ lệ % tính lương hưu hàng tháng của bà H là 69%.

Lương hưu hàng tháng của bà H sau điều chỉnh là: 3.073.945 đồng x 69% = 2.121.022 đồng; thời điểm hưởng từ tháng 12/2017.

Sau khi điều chỉnh, lương hưu của bà H giảm đi 722.343 đồng/tháng và số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2019 do điều chỉnh lương hưu là 13.552.020 đồng.

Bảo hiểm xã hội tỉnh T khẳng định việc ban hành Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trần Thị H là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà H theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm xã hội* huyện V *trình bày:*

Việc điều chỉnh cách ghi số tiền đóng BHXH của bà H giai đoạn từ 01/01/1995 đến 31/12/2001 là đúng thực tế, trước đây do sai sót nghiệp vụ đã ghi sai, nay điều chỉnh lại cho đúng. Việc bà H yêu cầu hủy Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019, giữ nguyên mức lương hưu trước khi điều chỉnh là không có cơ sở. Bảo hiểm xã hội huyện V đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HCST ngày 24 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 23, Điều 54, Điều 56, khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995; Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 và Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam xử: Bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trần Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/01/2021, người khởi kiện là bà Trần Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà Phạm Thị N có mặt tại phiên tòa nhưng sau đó tự ý bỏ về không có lý do.

- Đại diện người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, gửi văn bản thể hiện nội dung giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; người khởi kiện là bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị N không tuân thủ quy định pháp luật về việc tham gia phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bảo hiểm xã hội tỉnh T đã ban hành Quyết định 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trần Thị H, mức lương điều chỉnh đối với bà H mà Bảo hiểm xã hội tỉnh T đã xác định là đúng quy định của pháp luật, đúng với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, đúng với mức lương làm căn cứ bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị H qua các giai đoạn. Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay không phát sinh tình tiết nào mới. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị H**,** bà H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 29/5/2019 bà H nhận được Quyết định 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T. Ngày 27/5/2020, bà H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án và yêu cầu hủy Quyết định hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Ngày 24/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử vụ án vắng mặt bà H; ngày 13/01/2020 bà H nhận được bản án sơ thẩm (BL225), ngày 15/01/2021 bà H có đơn kháng cáo. Xét thấy bà H là người có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo của bà có nội dung và hình thức phù hợp và làm trong thời hạn, phù hợp với quy định tại các Điều 204, 205 và 206 Luật Tố tụng Hành chính nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án lần thứ hai.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Trần Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H tự ý bỏ về không có lý do. Bị đơn là Bảo hiểm xã hội tỉnh T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa về việc tiến hành xét xử vụ án phù hợp với quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H là giáo viên thuộc diện hợp đồng lao động tại Trường Mầm non xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình từ năm 1979, được tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2002 theo quyết định số 81/2002/QĐ-UB và 84/2002/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Mức lương đóng bảo hiểm xã hội theo hệ số 1,4. Năm 2012, bà H được UBND huyện V ra quyết định tuyển dụng viên chức theo hình thức hợp đồng, ngạch giáo viên mầm non, mã số 15115, hệ số tiền lương 2,66.

Tháng 6 năm 2014, thực hiện công văn số 3658/BHXH-BT ngày 17/9/2013 hướng dẫn về việc cho người lao động tại cơ sở G có thời gian làm việc liên tục từ trước hoặc sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 73/1999 về chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động giáo dục… nhưng chưa được đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được truy thu đóng bảo hiểm thời gian thực tế làm căn cứ hưởng chế độ hưu trí và tử tuất theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Các trường hợp làm trước năm 1995 thì được đóng bảo hiểm từ tháng 01/1995. Trên cơ sở quy định như vậy, Bảo hiểm xã hội huyện V đã thực hiện truy đóng bảo hiểm xã hội của bà H từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001, tổng số tiền đóng là 6.174.000 đồng.

Theo quyết định số 6238/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện V ban hành ngày 19/10/2017, bà H được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/12/2017 (BL07). Ngày 14/12/2017, Bảo hiểm xã hội tỉnh T đã ra Quyết định 1815/QĐ-BHXH về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng đối với bà H, theo đó, bà H đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được 22 năm 11 tháng, được hưởng 69% của mức 4.128.819 đồng - là mức bình quân tiền lương, tiền công và thu nhập tháng từ 01/12/2017. Mức lương hưu bà H nhận được hàng tháng là 2.843.365 đồng (BL 08).

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, BHXH Việt Nam phát hiện sai phạm của BHXH tỉnh T và BHXH một số tỉnh, thành phố trong toàn quốc nên đã ban hành công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018, yêu cầu chấn chỉnh công tác giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với giáo viên mầm non… trong đó có nội dung "*Khi rà soát, kiểm tra, đối chiếu phát hiện sai sót thì phải điều chỉnh lại theo đúng quy định. Sai sót ở khâu nghiệp vụ thì Giám đốc BHXH tỉnh chỉ đạo khắc phục kịp thời… Thu hồi số tiền giải quyết sai (nếu có) nộp vào quỹ BHXH…*". Trên cơ sở đó Bảo hiểm xã hội tỉnh T đã ban hành Công văn số 1860/BHXH-QLT ngày 31/8/2018 chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quá trình đóng bảo hiểm xã hội của giáo viên mầm non và thực hiện điều chỉnh mức tiền lương ghi sổ bảo hiểm xã hội đối với giáo viên mầm non đang tham gia bảo hiểm xã hội từ mức lương theo hệ số sang

mức lương theo tiền đồng Việt Nam đối với thời gian truy thu bảo hiểm xã hội từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001. Ngày 28/3/2019, Liên ngành Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh T - Bảo hiểm xã hội tỉnh T có công văn số 227/LN-SGDĐT-BHXH về việc báo cáo giải quyết chế độ cho giáo viên mầm non ngoài biên chế nhà nước.

Ngày 13/5/2019, Bảo hiểm xã hội tỉnh T đã ban hành quyết định số 459/QĐ-BHXH về việc điều chỉnh lại chế độ hưu trí với bà H. Lý do điều chỉnh: Theo công văn số 3085/BHXH-CSXH của B và công văn số 227/LN-SGDĐT-BHXH ngày 28/3/2019 của liên ngành Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh T - Bảo hiểm xã hội tỉnh T, điều chỉnh từ mức lương hưu 2.843.365 đồng xuống mức 2.121.022 đồng và thu hồi số tiền lương hưu bà H đã hưởng vượt quá từ tháng 12/2017 đến tháng 05/2019 là 13.552.020 đồng.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H về việc đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, Hội đồng xét xử sẽ đánh giá toàn diện về tính hợp pháp, có căn cứ về hình thức, nội dung của Quyết định hành chính bị khởi kiện, cụ thể như sau:

[2.2.1] Về hình thức, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khởi kiện: Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T được ban hành dưới thể thức văn bản, do Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T ký là đúng chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm xã hội tỉnh quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20, khoản 3 Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; phù hợp với quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 của BHXH Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội địa phương và quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995 của Tổng Giám đốc B về việc thành lập Bảo hiểm xã hội tỉnh T. Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 459/QĐ-BHXH theo đúng quy định tại Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam ban hành quy trình giải quyết hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội, chi trả chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp.

[2.2.2] Về nội dung, tính có căn cứ của Quyết định:

- Theo Quyết định số 1815/QĐ-BHXH ngày 14/12/2017 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, bà H được hưởng lương hưu bằng 69% x 4.120.819 đồng (bình quân lương của 06 năm cuối) là 2.843.365 đồng.

Song thực tế bà H có giai đoạn truy đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2001 theo mức lương là tiền đồng Việt Nam. Tiền lương trong giai đoạn này do người sử dụng lao động quyết định. Điều 62 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định:

1. Người lao động thuộc đối tượng thực hiện tiền lương do nhà nước quy định có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương này thì tính bình quân tiền lương tháng của số năm đóng bảo hiểm trước khi nghỉ hưu như sau:

b) Tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong khoản thời gian từ ngày 01/01/1995 đến ngày 31/12/2000 thì tính bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 6 năm cuối trước khi nghỉ hưu.

2…

3. Người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội thuộc đối tượng thực hiện tiền lương do nhà nước quy định, vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tính bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội chung của các thời gian, trong đó thời gian đóng bảo hiểm xã hội thuộc đối tượng thực hiện tiền lương do nhà nước quy định được tính bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 điều này.

Đối chiếu với quy định nêu trên, thì việc Bảo hiểm xã hội tỉnh T lấy mức tiền lương quy đổi từ hệ số làm căn cứ ghi sổ và tính Bảo hiểm xã hội tại quyết định số 1815/QĐ-BHXH ngày 14/12/2017 là sai, từ đó dẫn đến việc giải quyết chế độ hưu trí cho bà H tại theo điểm b khoản 1 điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 không đúng.

Căn cứ quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và diễn biến thực tế mức lương của bà H theo các giai đoạn, thì thấy:

- Thời gian bà H truy đóng BHXH theo mức lương tiền đồng Việt Nam do người sử dụng lao động quyết định là: 84 tháng (07 năm). Tổng số tiền lương do người sử dụng lao động quy định: 58.258.368 đồng.

- Thời gian bà H đóng BHXH theo hệ số lương do Nhà nước quy định là: 191 tháng (15 năm 11 tháng). Tổng số tiền lương do Nhà nước quy định là: (Lương bình quân 6 năm cuối trước khi nghỉ hưu = 4.120.819 đồng) x 191 tháng = 787.076.514 đồng.

- Tiền lương bình quân chung của cả 2 quá trình là:

(58.258.368 đồng + 787.076.514 đồng đồng) : (84 tháng + 191 tháng) = 3.073.945đ.

Tỷ lệ % tính lương hưu hàng tháng của bà H là 69%.

L hưu hàng tháng của bà H sau điều chỉnh là: 3.073.945 đồng x 69% = 2.121.022 đồng; thời điểm hưởng từ tháng 12/2017.

Như vậy sau khi điều chỉnh, lương hưu của bà H giảm đi 722.343 đồng/tháng và số tiền chênh lệch phải thu hồi từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2019 do điều chỉnh lương hưu là 13.552.020 đồng.

Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh T đã ghi lại mức tiền lương là tiền đồng trong thời gian truy đóng Bảo hiểm xã hội từ đó căn cứ vào khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội để tính lại lương hưu cho bà H như trên là đúng thực tế quá trình đóng Bảo hiểm xã hội của bà H. Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T ra Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2020 điều chỉnh tiền lương hưu của bà H là có cơ sở và đúng quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

[3] Hội đồng xét xử còn xét thấy: Mặc dù Công văn số 3085/BHXH-CSXH ngày 16/8/2018 của B và Công văn số 227/LN-SGDĐT-BHXH ngày 28/3/2019 của liên ngành Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh T với Bảo hiểm xã hội tỉnh T không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có giá trị chấn chỉnh, hướng dẫn, đôn đốc, rà soát để bảo đảm thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đúng pháp luật. Việc Bảo hiểm xã hội tỉnh T do trước đây hiểu sai quy định của Luật Bảo hiểm xã hội nên ghi sai thời gian truy đóng bảo hiểm xã hội của bà H từ mức tiền lương theo tiền đồng Việt Nam sang mức tiền lương theo hệ số, nay căn cứ vào 02 văn bản nêu trên để rà soát, quyết định điều chỉnh lương hưu của bà H là phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội và thực tế quá trình đóng bảo hiểm của bà H. Tuy nhiên, thông qua vụ án này, Hội đồng xét xử đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình cần rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật nhằm tránh những sai sót dẫn đến bức xúc cho người lao động.

[4] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là chính xác, có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do khởi kiện về Bảo hiểm xã hội nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính (sơ thẩm, phúc thẩm). Do đó, Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm về án phí, hoàn trả cho người khởi kiện tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2020/HC-ST ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình như sau:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị H. Giữ nguyên quyết định tại Bản án sơ thẩm về việc: Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 23, Điều 54, Điều 56, khoản 3 Điều 62 Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ; Quyết định số 03/QĐ-TCCB ngày 15/6/1995, Quyết định số 1414/QĐ-BHXH ngày 04/10/2016 và Quyết định số 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH Việt Nam, xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị H về yêu cầu hủy Quyết định số 459/QĐ-BHXH ngày 13/5/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T về việc điều chỉnh chế độ hưu trí đối với bà Trần Thị h.

2. Về án phí: Sửa quyết định về án phí tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2020/HC-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình như sau: bà Trần Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả bà Trần Thị H số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009319 ngày 26/6/2020 và số 0009894 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh